

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-PT
Ngày: 19/01/2022;
Về khiếu kiện: “Quyết hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt;

Các thẩm phán:

1. Ông Lê Văn Phận;
2. Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 02/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc khiếu kiện “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2021/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Lê Thị Giao C1, sinh năm 1952; Nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Giao C1: Bà Lê Thị Lệ C2, sinh năm 1962; Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn G - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V. Ông G ủy quyền cho ông Nguyễn Bá L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tham gia tố tụng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã V là ông Trần Hữu C, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1966; (có mặt)

Bà Võ Thị C, sinh năm 1968; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lê Thị Giao C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối thoại và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (bà Lê Thị Giao C1) là bà Lê Thị Lệ C2 trình bày:

Bà C1 là chủ sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.571,4m² tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU284443, số vào sổ cấp đất chứng nhận CH03675 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho bà C1 vào ngày 29/4/2014. Phía Nam thửa đất 168 là phần đầu đất bãi bồi có diện tích khoảng 200m² tiếp giáp với con rạch vàm súp, phía Tây giáp với phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn P, sinh năm 1966; địa chỉ ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thực tế, phần đất này gồm các thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m², 188 (tách 2) diện tích 71,6m² và 188 (tách 3) diện tích 8,3m², tổng cộng là 160,3m². Phần đất này có nguồn gốc là của ông Trương Văn K là ông nội chồng của bà C1 để lại, gia đình bà C1 đã sử dụng ổn định từ trước năm 1975, có sự xác nhận của trưởng ấp P, xã V. Bà C1 là người thừa kế hợp pháp phần đất này và hiện đang quản lý sử dụng, trồng cây ăn trái trên đất. Quá trình bà C sử dụng thì có phát sinh tranh chấp với ông Phiếu vào năm 2019 nhưng sau đó đã được UBND xã V giải quyết tại biên bản ngày 24/7/2019 và 30/7/2019. Do đó phần đất này không còn tranh chấp nữa nên ngày 04/9/2019 bà Chi có đơn xin UBND xã V xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Tuy nhiên, UBND xã V không xác nhận, cũng không trả lời bằng văn bản nên bà Chi mới khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã V. Tại bản án số 01/2020/HC-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên buộc UBND xã V phải thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất. Trên cơ sở giải quyết của bản án, UBND xã V mới ra văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 trả lời cho bà C1 nhưng nội dung trả lời không xác nhận nguồn gốc đất của bà C1 và cho rằng phần đất này đang có tranh chấp nên bà C1 không thể làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất. Bà C1 không đồng ý với văn bản trả lời này của UBND xã V vì theo khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013 không có quy định đất bãi bồi ven rạch thuộc quản lý của UBND xã; ông P đã cam kết không tranh chấp phần đất này nhưng UBND xã V lại xác định là đất tranh chấp là không phù hợp.

Vì vậy, nay bà C1 yêu cầu Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013, thông tư số 09/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tuyên xử hủy văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 của UBND xã V; đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã V xác nhận phần đất này là thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Giao C1 trên cơ sở thừa kế của ông nội chồng là ông Trương Văn K.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 01/6/2021 bà đồng ý, không ý kiến gì.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối thoại và phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Ủy ban nhân dân xã V) là ông

Nguyễn Bá L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã V là ông Trần Hữu C trình bày:

Bà Lê Thị Giao C1 là chủ sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.571,4m² tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận QSDĐ số BU284443, số vào sổ cấp đất chứng nhận CH03675 do UBND huyện C cấp cho bà C1 vào ngày 29/4/2014. Phần đất này có nguồn gốc của ông Trần Văn N (chồng bà C1); năm 2013 gia đình ông N lập văn bản thừa kế để lại đất cho bà C1 thừa kế. Thửa đất gốc của thửa 168 là thửa 693, 694 tờ bản đồ số 2 có diện tích 1.113m², đến khi đo đạc VLap và được bà C1 hiệp thương ranh với các bên thì diện tích thửa đất là 1.571,4m².

Phần đất của bà C1 có phía Tây giáp với thửa đất số 171 của ông Trần Văn P, sinh năm 1966; địa chỉ ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; phía Nam giáp phần đầu đất bãi bồi tiếp giáp với con rạch vàm súp. Khi đo đạc phần đất của bà C1, bản đồ địa chính thành lập từ năm 1993 đến nay không có bản đồ địa chính nào thể hiện phần đất bãi bồi này là thuộc thửa 168 của bà C1. Phần bãi bồi này hình thành như hiện nay là do sông, ngòi bồi lấp, do người sử dụng bồi đắp và sự nạo vét của cơ quan nhà nước.

Đối với phần đất mà bà C1 yêu cầu xác nhận, theo kết quả đo đạc gồm các thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m², 188 (tách 2) diện tích 71,6m² và 188 (tách 3) diện tích 8,3m² là thuộc UBND xã V quản lý là đúng với khoản 2 Điều 141 Luật đất đai năm 2013.

Ngoài ra, năm 2014 khi lập hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Trương Văn K thì bà C1 có hiệp thương ranh thể hiện thửa đất 168 giáp với đường giao thông và sông, rạch do nhà nước quản lý.

Vào năm 2013, thực hiện dự án đường điện 500KW nên UBND xã đã động viên hai bên bà C1 và ông P gia công đê, cắm trụ điện để hai bên cùng sử dụng đất; phần đất bãi bồi diện tích khoảng 200m² bà C1 sử dụng một phần, có trồng 02 cây sầu riêng cho trái ổn định đang thu hoạch và ông P sử dụng một phần. Hiện nay giữa hai bên bà C1 và ông P có tranh chấp phần đất bãi bồi này.

Vào ngày 20/9/2019, bà C1 có nộp cho UBND xã V hồ sơ để yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất, thành phần hồ sơ nộp gồm: “1. Đơn xin xác nhận (đơn được Trưởng ấp xác nhận nguồn gốc đất); 2. Đơn yêu cầu xác nhận (đơn yêu cầu xã xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất cho bà C1); 3. Tờ tường trình”. Hồ sơ bà C1 nộp được UBND xã tiếp nhận theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 67/BPTNTKQ ngày 20/9/2019. Sau khi xem xét hồ sơ của bà C1 nộp thì UBND xã thấy hồ sơ không đầy đủ theo quy định và xã cũng đã hướng dẫn bà C1 phải làm thủ tục, giấy tờ theo quy định pháp luật. Theo quy định thì việc tiến hành thủ tục hành chính của UBND xã đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu cho người dân là phải có: Đơn xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định (đơn theo mẫu, có đầy đủ nội dung, trong đơn có nội dung về quá trình sử dụng đất, nguồn gốc đất); bản trích lục, trích đo thửa đất yêu cầu có diện tích, số thửa đất; đất phải không có tranh chấp hoặc khiếu nại. Hiện tại bà C1 chỉ có đơn yêu cầu xác nhận nên hồ sơ vẫn chưa đủ và chưa có cơ sở để xác nhận. Mặt khác, phần đất này là đất bãi bồi thuộc quyền quản lý của

UBND xã chứ không thuộc quyền sử dụng của bà C1 nên không có cơ sở để xác nhận theo yêu cầu của bà C1.

Do đó, UBND xã V không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Giao C1.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 01/6/2021 UBND xã V đồng ý, không ý kiến gì.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối thoại và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P và bà Võ Thị C trình bày:

Việc bà C1 cho rằng đất không có tranh chấp là không chính xác, thực tế là khi được UBND xã V giải quyết thì UBND xã V đã xác định phần đất này thuộc quyền quản lý của nhà nước nên ông, bà mới không tranh chấp mà để cho nhà nước xử lý theo thẩm quyền. Theo kết quả đo đạc, phần đất ông bà đang sử dụng có số thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m² nếu không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà được cấp mà là thuộc đất bãi bồi do nhà nước quản lý thì ông, bà không có ý kiến vì vấn đề này thuộc về quản lý của nhà nước. Riêng đối với yêu cầu của bà C1 yêu cầu xác định phần đất này cho bà C1 được trọn quyền sử dụng thì ông, bà không đồng ý vì phần đất này trước giờ thuộc quyền sử dụng của ông, bà. Nếu phần đất này nằm trong đất thuộc quản lý của UBND xã V thì UBND xã V mới có quyền quyết định.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 01/6/2021 ông, bà đồng ý, không ý kiến gì.

Sau khi đối thoại không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Giao C1 đối với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre về việc yêu cầu hủy văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND xã Vĩ về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2021 người khởi kiện bà Lê Thị Giao C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên kháng cáo, người bị kiện không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Giao C1. Giữ y Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án

nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Giao C1 nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 02/02/2021, bà Lê Thị Giao C1 có yêu cầu Tòa án xem xét hủy văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 của UBND xã VBình về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, nên việc bà C1 khởi kiện vẫn còn thời hiệu và Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Giao C1:

Bà Lê Thị Giao C1 khởi kiện cho rằng: Theo khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013 không có quy định đất bãi bồi ven rạch thuộc quản lý của UBND xã; đất không có tranh chấp với ông Trần Văn P vì vụ việc tranh chấp đã giải quyết xong, ông P đã cam kết không tranh chấp nhưng UBND xã V lại xác định là đất tranh chấp là không phù hợp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Trên cơ sở đơn yêu cầu của bà Lê Thị Giao C1 về việc xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất đối với phần đất bãi bồi có diện tích khoảng 200m² tại ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ngày 31/12/2020, UBND xã V, huyện C ban hành Văn bản số 434/UBND-NC trả lời đơn yêu cầu của bà C1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 60 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì UBND xã V là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả là đúng thẩm quyền.

Văn bản số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 của UBND xã V được ban hành trên cơ sở thi hành Bản án hành chính số 01/2020/HC-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách. Theo Thông báo số 769/TB-CTHADS ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, ngày 31/12/2020 UBND xã Vĩnh Bình ban hành Văn bản số 434/UBND-ĐC về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất là đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định.

+ Về nội dung quyết định hành chính:

Căn cứ theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thể hiện phần đất bà C1 có đơn yêu cầu UBND xã V xác nhận gồm các thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m², 188 (tách 2) diện tích 71,6m² và 188 (tách 3) diện tích 8,3m² là đất sông ngòi, kênh, rạch; tên người sử dụng là UBND xã V quản lý. Đối chiếu với nội dung xác nhận của UBND xã V tại Văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 có nội dung thể hiện: Về nguồn gốc sử dụng đất, theo bản đồ địa

chính thành lập năm 1993 và theo bản đồ chính quy thành lập năm 2013 thì phần đất thuộc thửa 188 mà bà C1 yêu cầu xác nhận được thể hiện là đất sông, rạch do UBND xã V quản lý (theo quy định tại khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013). Năm 1987, ông Trương Văn K (là cha chồng của bà Lê Thị Giao C1) có bồi đắp phần bãi bồi trên rạch liền kề. Như vậy, nội dung xác nhận này của UBND xã V là phù hợp và có căn cứ vì các phần đất này không thuộc quyền sử dụng đất được cấp cho bà C1, trước giờ bà C1 cũng như ông Trương Văn K không có đăng ký kê khai sử dụng phần đất này. Ngoài ra, bà C1 cho rằng, phần đất bà yêu cầu xác nhận là đất bãi bồi ven rạch chứ không phải ven sông nên không thuộc quyền quản lý của UBND xã là không đúng. Bởi vì mặc dù theo quy định tại khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013 ghi: “Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý”, không có ghi từ “ven rạch” nhưng rạch vốn là một nhánh nhỏ của sông và đất sông, ngòi, kênh, rạch được quy định chung là nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai năm 2013 và theo quy định tại Điều 163 của Luật đất đai năm 2013 thì đất sông, ngòi, kênh, rạch do nhà nước quản lý.

Mặt khác, phần đất mà bà C1 yêu cầu xác nhận có một phần (thửa 188 tách 1, diện tích 80,4m²) hiện do ông P, bà C sử dụng có trồng cây ăn trái nhưng bà C1 lại yêu cầu xác nhận cho bà toàn bộ phần đất này gồm các thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m², 188 (tách 2) diện tích 71,6m² và 188 (tách 3) diện tích 8,3m² trong khi ông P, bà C không đồng ý. Như vậy là có sự tranh chấp giữa các bên. Tại văn bản số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 của UBND xã V xác nhận về tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai: “qua đo đạc hiện trạng bà Lê Thị Giao C1 và ông Trần Văn P chưa thống nhất ranh đất (có phát sinh tranh chấp) là có căn cứ. Bà C1 cho rằng vụ việc tranh chấp đã được giải quyết xong là không đúng vì thực tế ông P, bà C vẫn đang sử dụng phần đất này (thửa 188 tách 1), ông P không tranh chấp là vì ông được giải thích phần đất này thuộc sự quản lý của UBND xã V, không phải đất thuộc quyền sử dụng của cá nhân và ông P cũng không đồng ý cho UBND xã V xét cấp phần đất ông đang sử dụng cho bà C1.

Xét thấy văn bản số 434/UBND-ĐC ngày 31/12/2020 của UBND xã V về thẩm quyền ban hành, trình tự thủ tục và nội dung là đúng quy định và có căn cứ.

[3] Đối với việc bà C1 đang sử dụng phần đất thuộc thửa 188 (tách 2) diện tích 71,6m² và 188 (tách 3) diện tích 8,3m², còn ông P sử dụng phần đất thuộc thửa 188 (tách 1) diện tích 80,4m² trồng cây ăn trái. Như đã phân tích trên, các phần đất này thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã V nên việc có cho bà C1, ông P có tiếp tục sử dụng hay không là thuộc thẩm quyền của UBND xã V theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

[4] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Giao C1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà C1 kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Giao C1 được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ các Điều 10, 11, 141, 163 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 3, 60, 70 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Giao Chi. Giữ y Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Giao C1 đối với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre về việc yêu cầu hủy văn bản hành chính số 434/UBND-ĐC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND xã V về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất.

2/ Chi phí tố tụng là 2.746.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Bà Lê Thị Giao C1 phải chịu (Đã nộp xong).

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Giao C1 được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Đạt